Prudent & True

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ PNT
A28 Lô 3 - Khu đô thị Định Công - Hoàng Mai - Hà Nội
Tel: 024 - 3640 3642 / Fax: 024 - 3640 3643 / Web: www.pnt.com.vn

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4900100942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 29/05/2008 và thay đổi lần thứ 04 ngày 08/04/2022.

Trụ sở chính của Công ty: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Vốn điều lệ theo giấy ĐKKD: **8.200.000.000 VND** *(Tám tỷ hai trăm triệu đồng)*.

Vốn thực góp của Chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022: **23.645.896.667** ***VND*** *(Hai mươi ba tỷ, sáu trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)*.

Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn Phượng - Chủ tịch Công ty.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số miền Bắc, xổ số bóc và xổ số lô tô (02, 03, 04 số);
- Kinh doanh nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng ki ốt.

BAN LÃNH ĐẠO VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Lãnh đạo và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính và tại ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Họ tên	*Chức vụ*
Ông Bùi Văn Phượng	Chủ tịch Công ty
Ông Dương Công Nam	Phó Giám đốc
Bà Liễu Thị Yến	Kiểm soát viên
Bà Hoàng Thị Yến	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty. PNT Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Scanned with CamScanner

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

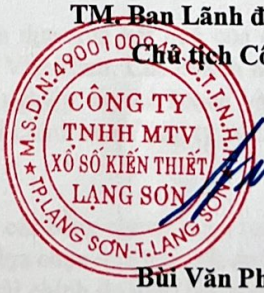
Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

CAM KẾT KHÁC

Ban lãnh đạo Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 02 năm 2023

TM. Ban Lãnh đạo Công ty
Chủ tịch Công ty



Bùi Văn Phượng

Scanned with CamScanner

Số: 19/2023/BCTC-PNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính năm 2022

của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Lạng Sơn

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Lãnh đạo**
Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 02 năm 2023 từ trang 5 đến trang 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ sở chính: A28, Lô 3 - Khu Đô thị Định Công - P. Định Công - Q. Hoàng Mai - TP. Hà Nội
Tel: 024 - 3640 3642 / Fax: 024 - 3640 - 3643 * E-mail: pnt@pnt.com.vn / Website: www.pnt.com.vn

Scanned with CamScanner

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Lạng Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Công ty tạm tính Quỹ lương năm 2022 theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và chưa được phê duyệt. Quỹ lương chính thức của Công ty sẽ tùy thuộc quyết định sau cùng của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT

Phó Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Nguyễn Ngọc Dũng	**Phan Quý Chung**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2000-2023-136-1	*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 4718-2019-136-1*

Scanned with CamScanner

Mẫu số B01-XS
(Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**16.863.747.915**	**19.065.476.224**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**3.655.903.192**	**7.091.792.717**
1. Tiền	111		3.655.903.192	5.301.792.717
2. Các khoản tương đương tiền	112			1.790.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**12.316.997.827**	**11.219.918.351**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	12.316.997.827	11.219.918.351
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	**130**		**656.574.833**	**567.796.362**
1. Phải thu của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	61.339.450	67.006.460
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Các khoản phải thu khác	135	V.4	595.235.383	500.789.902
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	**140**		**232.442.063**	**173.476.739**
1. Hàng tồn kho	141	V.5	232.442.063	173.476.739
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.830.000**	**12.492.055**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.600.000	1.640.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.9b		10.852.055
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		230.000	

Scanned with CamScanner

***Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**13.729.805.492**	**14.281.204.901**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	**220**		**13.619.555.789**	**14.220.453.523**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	13.617.223.589	14.204.120.923
- Nguyên giá	*222*		*19.368.147.359*	*19.368.147.359*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(5.750.923.770)*	*(5.164.026.436)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	*225*			
- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.332.200	16.332.600
- Nguyên giá	*228*		*295.580.000*	*295.580.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(293.247.800)*	*(279.247.400)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	**240**			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
4. Đầu tư dài hạn khác	258			
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**110.249.703**	**60.751.378**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	110.249.703	60.751.378
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**30.593.553.407**	**33.346.681.125**

Scanned with CamScanner

***Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**6.717.656.740**	**9.700.784.458**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**5.242.690.179**	**8.301.429.071**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313		743.048.807	605.395.747
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9a	1.207.450.784	968.224.636
5. Phải trả người lao động	315		1.081.356.480	1.099.961.737
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10a	187.293.500	3.457.502.127
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.552.252.376	1.552.252.376
10. Dự phòng rủi ro trả thường	321			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		471.288.232	618.092.448
II. Nợ dài hạn	**330**		**1.474.966.561**	**1.399.355.387**
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.10b	1.444.966.561	1.399.355.387
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		30.000.000	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**V.11**	**23.875.896.667**	**23.645.896.667**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		23.645.896.667	22.499.330.982
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		230.000.000	1.146.565.685
6. Quỹ dự phòng tài chính	418			
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420			
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**30.593.553.407**	**33.346.681.125**

Scanned with CamScanner

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Vé xổ số nhận bán hộ			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng			
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp			
7. Ngoại tệ các loại			
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết			

***Ghi chú** : Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )*

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Công ty
Hoàng Thị Yến	Hoàng Thị Yến	Bùi Văn Phượng

Scanned with CamScanner

Mẫu số B02-XS
(Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	**01**	**VI.1**	**47.965.365.708**	**48.890.439.041**
1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số	***01.1***		***46.711.532.731***	***47.632.257.277***
1.1.1 Xổ số truyền thống	01.1.1		13.919.127.272	14.714.890.909
1.1.2 Xổ số cào	01.1.2			
1.1.3 Xổ số bóc	01.1.3		1.544.470.913	817.741.823
1.1.4 Xổ số lô tô	01.1.4		31.247.934.546	32.099.624.545
1.2 Doanh thu kinh doanh khác	***01.2***		**1.253.832.977**	**1.258.181.764**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**VI.2**	**6.092.808.610**	**6.212.903.126**
2.1 Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	***02.1***		***6.092.808.610***	***6.212.903.126***
2.1.1 Xổ số truyền thống	02.1.1		1.815.538.339	1.919.333.597
2.1.2 Xổ số cào	02.1.2			
2.1.3 Xổ số bóc	02.1.3		201.452.723	106.661.977
2.1.4 Xổ số lô tô	02.1.4		4.075.817.548	4.186.907.552
2.2 Giảm trừ doanh thu kinh doanh khác	***02.2***			
3. Doanh thu thuần	**10**	**VI.3**	**41.872.557.098**	**42.677.535.915**
3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	***10.1***		***40.618.724.121***	***41.419.354.151***
3.1.1 Xổ số truyền thống	*10.1.1*		12.103.588.933	12.795.557.312
3.1.2 Xổ số cào	*10.1.2*			
3.1.3 Xổ số bóc	*10.1.3*		1.343.018.190	711.079.846
3.1.4 Xổ số lô tô	*10.1.4*		27.172.116.998	27.912.716.993
3.1.5 Xổ số điện toán	*10.1.5*			
3.2 Doanh thu thuần kinh doanh khác	***10.2***		**1.253.832.977**	**1.258.181.764**
4. Chi phí kinh doanh	**11**		**33.934.543.611**	**35.260.426.492**
4.1 Chi phí kinh doanh xổ số	***11.1***		***33.250.725.785***	***34.614.575.418***
4.1.1 Chi phí trả thưởng	11.1.1		26.199.675.209	27.517.648.460
4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		7.051.050.576	7.096.926.958

Scanned with CamScanner

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
4.2 Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	***11.2***		**683.817.826**	**645.851.074**
5. Lợi nhuận gộp	**20**		**7.938.013.487**	**7.417.109.423**
5.2 Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		7.367.998.336	6.804.778.733
5.2 Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		570.015.151	612.330.690
6. Doanh thu tài chính	21	VI.4	679.103.686	574.378.893
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*			
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	469.190.646	511.531.348
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7.269.997.896	6.576.302.812
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**877.928.631**	**903.654.156**
11. Thu nhập khác	31	VI.7	92.009.091	25.477.455
12. Chi phí khác	32			20.932.000
13. Lợi nhuận khác	40		**92.009.091**	**4.545.455**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**969.937.722**	**908.199.611**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	193.987.544	127.147.945
16. Thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**775.950.178**	**781.051.666**

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Công ty
Hoàng Thị Yến	Hoàng Thị Yến	Bùi Văn Phượng

Scanned with CamScanner

Mẫu số B03-XS

(Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		40.612.381.949	41.158.839.204
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.413.104.329)	(1.356.451.711)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.743.026.406)	(4.290.980.251)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(140.000.000)	(175.908.768)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.526.454.958	5.736.101.226
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(40.725.175.480)	(37.086.294.071)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(2.882.469.308)***	***3.985.305.629***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.798.096.255)	(5.984.166.071)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.701.016.779	1.146.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII.1	543.659.259	393.530.637
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(553.420.217)***	***(4.444.635.434)***

Scanned with CamScanner

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(3.435.889.525)**	**(459.329.805)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**7.091.792.717**	**7.551.122.522**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**3.655.903.192**	**7.091.792.717**

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Công ty
Hoàng Thị Yến	Hoàng Thị Yến	Bùi Văn Phượng

Scanned with CamScanner

Mẫu B09 - XS
(Ban hành theo thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp:

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4900100942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 29/05/2008 và thay đổi lần thứ 04 ngày 08/04/2022.

Trụ sở chính của Công ty: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Vốn điều lệ theo giấy ĐKKD: **8.200.000.000 VND** *(Tám tỷ hai trăm triệu đồng)*;

Vốn thực góp của Chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022: **23.645.896.667 VND** *(Hai mươi ba tỷ, sáu trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)*;

Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn Phượng - Chủ tịch Công ty.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xổ số.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là :

- Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số miền Bắc, xổ số bóc và xổ số lô tô (02, 03, 04 số);
- Kinh doanh nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng ki ốt.

4. Tổng số cán bộ công nhân viên và người lao động

Tổng số cán bộ công nhân viên và người lao động của Công ty tại 31/12/2022 là 42 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Scanned with CamScanner

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

Tiền mặt: Là các khoản tiền mặt tồn quỹ tại Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với số tiền này.

Tiền gửi ngân hàng: Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tiền đang chuyển được xác định theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Scanned with CamScanner

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▪ Nhà cửa vật kiến trúc	50 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải	07 - 08 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10 năm
▪ Phần mềm máy vi tính	05 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận dự phòng rủi ro trả thưởng

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

Dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ được trích lập trong trường hợp: trong năm tài chính, tỷ lệ trả thưởng thực tế của Công ty xổ số kiến thiết nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của cơ chế tài chính.

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với loại hình sản phẩm xổ số truyền thống, xổ số lô tô, xổ số cào biết kết quả ngay và xổ số bóc biết kết quả ngay.

Tỷ lệ tối đa trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng là không quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập.

Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, Công ty phải dừng trích lập cho đến khi số dư thấp hơn giới hạn cho phép. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

Scanned with CamScanner

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập năm nay.

10. Phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ

Chính sách phân phối lợi nhuận được thực hiện theo:

- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;
- Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;
- Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

✓ Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

✓ Lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi quy định tại khoản 1 Điều này được phân phối như sau:

- Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển;

  Đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được đầu tư đủ vốn điều lệ thì không được trích quỹ đầu tư phát triển. Năm 2022, Công ty tiếp tục trích quỹ đầu tư phát triển để tang vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo điều lệ được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt là **25.000.000.000 VND**.

  Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp:

  - *Quỹ thưởng ban điều hành được trích theo kết quả phân loại doanh nghiệp (không quá 1,5 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý doanh nghiệp);*
  - *Số lợi nhuận còn lại được phân phối vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo kết quả phân loại doanh nghiệp (không quá 3 tháng lương thực hiện).*

✓ Sau khi trích lập các quỹ theo quy định, phần lợi nhuận còn lại do chủ sở hữu quyết định, cụ thể như sau:

- Đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số chưa được đầu tư đủ vốn điều lệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phần lợi nhuận còn lại được tiếp tục bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp để bổ sung đủ vốn điều lệ theo phương án do chủ sở hữu phê duyệt;

11. Mục đích sử dụng các Quỹ

Quỹ đầu tư phát triển dùng để: Bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng được dùng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty; thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty; thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

Scanned with CamScanner

Quỹ phúc lợi được dùng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- Góp một phần vốn để đầu tư các công trình phúc lợi trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.
- Chi trợ cấp khó khăn cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.
- Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Phó Giám đốc quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Công đoàn Công ty.

Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp được dùng để:

Thưởng cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Ban Lãnh đạo, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng doanh nghiệp. Mức thưởng do chủ sở hữu quyết định gắn với tiêu chí đánh giá các chức danh này và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Scanned with CamScanner

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách xác định theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016, còn quỹ tiền lương của người lao động được xác định theo 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng:

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí nhân viên, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, …

Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, …); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; Khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý; Tiền thuê đất, thuế môn bài; Khoản dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm, …); Chi phí bằng tiền khác (chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí,….).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí trả thưởng

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí trả thưởng được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ gồm:

- Chi phí trả thưởng do Công ty trả thưởng trực tiếp cho người trúng thưởng;
- Chi phí trả thưởng qua đại lý được ủy quyền trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng;
- Chi phí trả thưởng các giải của vé xổ số liên kết nhận phân bổ theo quy định của Hội đồng xổ số miền Bắc.

Các khoản trên được ghi nhận theo số tiền đã trả thưởng cho các loại vé xổ số trúng thưởng trong kỳ.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí trực tiếp phát hành xổ số

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí trực tiếp phát hành xổ số gồm:

- Chi phí cho các đại lý;
- Chi phí quay số mở thưởng, giám sát;
- Chi phí chống số đề;
- Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng;
- Chi phí về vé xổ số;
- Chi phí thông tin kết quả mở thưởng;
- Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực;
- Chi phí trực tiếp phát hành khác.

Scanned with CamScanner

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành, được xác định theo công thức:

Thuế TNDN hiện hành	=	Thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành	x	Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: là thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế TNDN trong năm hiện hành

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	=	Tổng chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh trong năm	x	Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Chênh lệch tạm thời chịu thuế trong năm: Là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh thu nhập chịu thuế khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong tương lai khi mà giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả liên quan được thu hồi hay được thanh toán.

Chênh lệch tạm thời: là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hay nợ phải trả trong Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Scanned with CamScanner

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.577.967.478	1.190.376.362	1.430.373.979	169.429.540	19.368.147.359
- Mua trong năm					0
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	16.577.967.478	1.190.376.362	1.430.373.979	169.429.540	19.368.147.359
II. Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	(2.773.040.784)	(945.219.451)	(1.302.587.201)	(143.179.000)	(5.164.026.436)
- Số khấu hao trong năm	(333.872.112)	(114.282.444)	(127.786.778)	(10.956.000)	(586.897.334)
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	(3.106.912.896)	(1.059.501.895)	(1.430.373.979)	(154.135.000)	(5.750.923.770)
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	13.804.926.694	245.156.911	127.786.778	26.250.540	14.204.120.923
2. Tại ngày cuối năm	13.471.054.582	130.874.467		15.294.540	13.617.223.589

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 1.534.264.888

Scanned with CamScanner

7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Cộng
I. Nguyên giá		
Số dư đầu năm	295.580.000	295.580.000
- Mua trong năm		
Số dư cuối năm	295.580.000	295.580.000
II. Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư đầu năm	(279.247.400)	(279.247.400)
- Số khấu hao trong năm	(14.000.400)	(14.000.400)
Số dư cuối năm	(293.247.800)	(293.247.800)
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	16.332.600	16.332.600
2. Tại ngày cuối năm	2.332.200	2.332.200

- Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết còn sử dụng: 253.580.000

8. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.600.000	1.640.000
Cộng	**1.600.000**	**1.640.000**

b) Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	59.474.290	58.246.378
- Đồ dùng khách sạn	9.655.143	2.505.000
- Chi phí trả trước dài hạn khác	41.120.270	
Cộng	**110.249.703**	**60.751.378**

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế GTGT	413.703.513	4.633.425.161	4.477.233.442	569.895.232
- Thuế TTĐB	551.513.123	6.092.808.610	6.146.994.065	497.327.668
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		182.219.884	140.000.000	42.219.884
+ Số phải nộp năm nay		*193.987.544*		
+ Bù trừ với phải thu đầu kỳ		*(10.852.055)*		
+ Điều chỉnh theo Biên bản thuế		*(915.605)*		
- Thuế thu nhập cá nhân	3.008.000	572.974.893	477.974.893	98.008.000
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		318.393.600	318.393.600	
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		3.000.000	3.000.000	
Cộng	**968.224.636**	**11.802.822.148**	**11.563.596.000**	**1.207.450.784**

b) Phải thu

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.852.055	10.852.055		
Cộng	**10.852.055**	**10.852.055**		

Scanned with CamScanner

10. Các khoản phải trả, phải nộp khác

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hội đồng Xổ số kiến thiết miền Bắc	187.293.500	3.451.818.563
- Bảo hiểm xã hội		5.683.564
Cộng	**187.293.500**	**3.457.502.127**

b) Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đại lý đặt cọc bán vé xổ số truyền thống	1.033.966.561	1.018.355.387
- Đại lý đặt cọc bán vé Vietlott	325.000.000	295.000.000
- Đặt cọc thuê ki ốt	86.000.000	86.000.000
Cộng	**1.444.966.561**	**1.399.355.387**

11. Vốn chủ sở hữu

a. *Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**22.499.330.982**	**990.315.685**	**-**	**23.489.646.667**
Tăng trong năm trước			781.051.666	781.051.666
- Lãi trong năm trước			*781.051.666*	*781.051.666*
- Tăng do phân phối lợi nhuận		*156.250.000*		
Giảm trong năm trước			(781.051.666)	(781.051.666)
- Nộp NSNN lợi nhuận năm trước			*(781.051.666)*	*(781.051.666)*
Số dư đầu năm nay	**22.499.330.982**	**1.146.565.685**	**-**	**23.645.896.667**
Tăng trong năm nay	1.146.565.685	230.000.000	776.865.783	1.005.950.178
- Lãi trong năm nay			*775.950.178*	*775.950.178*
- Tăng do phân phối lợi nhuận		*230.000.000*		*230.000.000*
- Tăng khác (*)	*1.146.565.685*		*915.605*	
Giảm trong năm nay			(776.865.783)	(776.865.783)
- Giảm do trích Quỹ đầu tư phát triển			*(230.000.000)*	*(230.000.000)*
- Giảm do trích Quỹ khen thưởng phúc lợi			*(546.865.783)*	*(546.865.783)*
- Giảm khác (**)		*(1.146.565.685)*		*(1.146.565.685)*
Số dư cuối năm nay	**23.645.896.667**	**230.000.000**	**-**	**23.875.896.667**

Ghi chú:

(*): Công ty sử dụng quỹ Đầu tư phát triển để tăng vốn chủ sở hữu: *1.146.565.685*

(**): Điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế: *915.605*

b. *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	8.200.000.000	8.200.000.000
- Vốn góp của Nhà nước do sử dụng quỹ Đầu tư phát triển	15.445.896.667	14.299.330.982
Cộng	**23.645.896.667**	**22.499.330.982**

c. *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận*

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	*22.499.330.982*	*22.499.330.982*
+ Vốn góp tăng trong năm	*1.146.565.685*	
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	*23.645.896.667*	*22.499.330.982*

Scanned with CamScanner

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.711.532.731	47.632.257.277
- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	1.253.832.977	1.258.181.764
Cộng	**47.965.365.708**	**48.890.439.041**

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.092.808.610	6.212.903.126
Cộng	**6.092.808.610**	**6.212.903.126**

3. Doanh thu thuần

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.618.724.121	41.419.354.151
- Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh khác	1.253.832.977	1.258.181.764
Cộng	**1.253.832.977**	**1.258.181.764**

4. Doanh thu tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	679.103.686	574.378.893
Cộng	**679.103.686**	**574.378.893**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân công	85.470.000	82.965.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	380.856.646	422.266.348
- Chi phí bằng tiền khác	2.864.000	6.300.000
Cộng	**469.190.646**	**511.531.348**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu	224.425.293	128.811.285
- Chi phí nhân công	5.403.453.285	5.014.041.725
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	298.292.666	298.292.712
- Thuế, phí và lệ phí	157.441.335	113.727.808
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	403.047.156	501.547.422
- Chi phí bằng tiền khác	783.338.161	519.881.860
Cộng	**7.269.997.896**	**6.576.302.812**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu từ bán vé hỏng, vé hủy		25.477.455
- Thu từ thanh lý công cụ, dụng cụ	409.091	
- Thu từ tiền đặt cọc của Đại lý	91.600.000	
Cộng	**92.009.091**	**25.477.455**

Scanned with CamScanner

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
(1) Lợi nhuận kế toán trước thuế	**969.937.722**	**908.199.611**
(2) Điều chỉnh tăng		
(3) Điều chỉnh giảm		
(4) Thu nhập chịu thuế: (4) = (1) + (2) - (3)	**969.937.722**	**908.199.611**
(5) Thuế suất	20%	20%
(6) Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**193.987.544**	**181.639.922**
(7) Thuế TNDN được giảm 30% theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP		54.491.977
(8) Chi phí thuế TNDN năm nay: (8) = (6) - (7)	**193.987.544**	**127.147.945**

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí trả thưởng	26.199.675.209	27.517.648.460
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	6.460.482.800	6.538.607.942
- Chi phí gốc vé	590.567.776	558.319.016
- Chi phí nhân công	5.620.612.285	5.097.006.725
- Chi phí khấu hao TSCĐ	600.897.734	600.897.734
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	844.848.223	923.813.770
- Chi phí bằng tiền khác	1.356.648.126	1.111.967.005
Cộng	**41.673.732.153**	**42.348.260.652**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia

	Năm nay
- Số lãi thực tế thu được trong kỳ	47.917.427
- Lãi dự thu năm trước nhập gốc năm nay	272.990.363
- Lãi nhập gốc năm nay	222.751.469
Cộng	**543.659.259**

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng thành viên	768.509.228	720.570.469

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Công ty
Hoàng Thị Yến	Hoàng Thị Yến	Bùi Văn Phượng

M.S.D.N: 4900100942 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN - TP. LẠNG SƠN - T. LẠNG SƠN

Scanned with CamScanner